TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 191/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 6 năm 2021
Về việc: Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Nguyễn Việt Thắng

Ông: Huỳnh Văn Năm

- Thư ký phiên tòa Ông Ngô Văn Đen là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 796/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Ngọc H**, sinh năm 1987 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

Bị đơn: Anh **Phan Thanh L,** sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/11/2020 và đơn xin vắng mặt nguyên đơn của chị Nguyễn Ngọc H ngày 10/12/2020 trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phan Thanh L chung sống với nhau năm 2011, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, nguyên nhân mâu thuẫn, trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng quan điểm, tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường hay cự cải, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Phan Thanh L.

Về con chung: Thời kỳ chung sống tạo 02 con chung tên: Phan Mộng T, sinh ngày 22/5/2011; Phan Mỹ H, sinh ngày 30/5/2013, hiện chị đang nuôi dạy, nay yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Phan Thanh L: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ để công khai chứng cứ và xét xử nhưng anh L vẫn vắng mặt không rỏ lý do. Do đó, Tòa án không ghi nhận được lời trình bài của anh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc H và anh Phan Thanh L có nơi trú tại ấp Mũi Tràm B, xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Ngọc H khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Phan Thanh L, tranh chấp về hôn nhân. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Chị H là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự chị H là nguyên đơn, anh L là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, có yêu cầu xét xử vắng mặt; Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ để công khai chứng cứ và xét xử nhưng anh L vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị H và anh L hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy đinh của pháp luật, Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh L được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và được bảo vệ. Về mâu thuẫn không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; anh chị đã vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H và anh L đã ly thân thời gian dài. Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn

nhân và gia đình năm 2014, Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn với anh L.

[3] *Về con chung:* Chị H và anh L tạo 02 con chung Phan Mộng T, sinh ngày 22/5/2011; Phan Mỹ H, sinh ngày 30/5/2013, hiện nay chung sống với chị H, nay chị H yêu cầu nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng.

Xét, con chung tên Phan Mộng T, sinh ngày 22/5/2011; Phan Mỹ H, sinh ngày 30/5/2013, sống chung với chị H hiện đang đi học nên gần gũi với chị H, ổn định về thời gian, phát triển tốt về mọi mặt và nguyện vọng cháu T và cháu H muốn sống với chị H. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Phan Mộng T, sinh ngày 22/5/2011; Phan Mỹ H, sinh ngày 30/5/2013, cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng, nên không xem xét. Anh L không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị H xác định tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ để công khai chứng cứ và xét xử nhưng anh L vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án không ghi nhận được lời trình bài của anh L nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, khi nào anh L và chị H có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì kiện thành vụ kiện khác theo quy định của pháp luật.

[5] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 và khoản 3 Điều 68; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 14; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Ngọc H được ly hôn với anh Phan Thanh L.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Mộng T, sinh ngày 22/5/2011; Phan Mỹ H, sinh ngày 30/5/2013, cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L không trực tiếp

nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc H phải nộp số tiền 300.000 đồng; ngày 16/11/2020 chị H đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004290 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, nay được chuyển thu đối trừ.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng NV-KT TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện TVT
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trương Thanh Thủy